

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Y
Tỉnh Ninh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/ 2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/ 8/ 2017.

**Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Thu.

2. Ông Nguyễn Văn Cương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh là Thư ký
Toà án nhân dân huyện Y.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia
phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thanh Diệm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/QĐST - HNGĐ ngày 1 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N; có mặt.

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Lê Mạnh H; có mặt.

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Mạnh H sau khoảng 2 năm tự do tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 12 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp và anh H không tu chí làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống của vợ con. Đến tháng 6/ 2014 do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp và điều kiện công việc nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 1/ 2015 anh H nghiện ma túy và bị đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện tại Đ với thời gian

hai năm nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Thời gian đầu chị có lên thăm anh H nhưng sau đó do công việc chị không lên thăm anh H nữa. Đến đầu năm 2016 anh H cai nghiện xong về địa phương nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Việc vợ chồng chị mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2014 cho đến nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh chị không về đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung (con riêng): Anh chị có một con chung là cháu Lê Tiến D sinh ngày 17 tháng 9 năm 2013, thời gian anh H phải đi cai nghiện bắt buộc thì cháu D do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu. Hiện nay chị làm công nhân tại Công ty điện tử E với mức thu nhập là 6.000.000đồng / tháng và cháu D còn bé cần có sự chăm sóc của người mẹ để cháu phát triển tốt nhất về mọi mặt. Cháu D đã đi học mẫu giáo nên việc chị đi làm không ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Bản thân anh H cũng phải đi làm nên điều kiện, nuôi dưỡng con của anh H không tốt bằng chị. Do vậy chị đề nghị Tòa án giao cháu Lê Tiến D sinh ngày 17 tháng 9 năm 2013 cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu D định kỳ hàng tháng là 700.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay chị giữ nguyên yêu cầu đối với anh H về mức cấp dưỡng nhưng yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu D kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị và anh H không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị và anh Lê Mạnh H không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản tự khai ngày 31 tháng 3 năm 2017, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Lê Mạnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí như lời trình bày của chị N về thời gian tìm hiểu và kết hôn của vợ chồng anh. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tương đối hạnh phúc, không có va chạm gì xảy ra. Đến tháng 6 năm 2014 do công việc nên chị N có về nhà bố mẹ đẻ ở và anh thỉnh thoảng có đi lại, thăm nom vợ con. Tháng 1 năm 2015 anh phải đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện bắt buộc thuộc thành phố Đ với thời hạn là hai năm. Thời gian đầu chị N có lên thăm hỏi anh được 3 lần sau đó là tình cảm vợ chồng có dấu hiệu rạn nứt và chị N đã không thăm nom anh lần nào nữa. Năm 2017 sau khi anh cai nghiện trở về địa phương thì anh và chị N không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không về đoàn tụ được nên nhất trí ly hôn với chị N. Thực tế anh không muốn ly

hôn với chị N nhưng chị N cương quyết xin ly hôn nên anh phải chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung (con riêng): Anh chị có một con chung là cháu Lê Tiến D sinh ngày 17 tháng 09 năm 2013, thời gian anh phải đi cai nghiện ma túy bắt buộc thì cháu D do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N hiện nay làm công nhân điện tử nên không có thời gian chăm sóc con bằng anh. Bản thân anh có công việc ổn định làm tự do tại nhà với mức thu nhập khoảng 9.000.000đ/ tháng nên anh đảm bảo được quyền lợi mọi mặt cho cháu. Do vậy anh đề nghị Tòa án giao cháu Lê Tiến D sinh ngày 17 tháng 09 năm 2013 cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống và không yêu cầu chị N cấp dưỡng phí tổn nuôi con. Anh và chị N không ai có con riêng nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh nhất trí với ý kiến của chị N về việc vợ chồng anh không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa có ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ các khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 357 Luật dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Lê Mạnh H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Tiến D sinh ngày 17 tháng 09 năm 2013 cho chị Hoàng Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Lê Mạnh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Hoàng Thị N là 700.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và anh Lê Mạnh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; anh Lê Mạnh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh và anh Lê Mạnh H là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn do anh H không tu chí làm ăn và kinh tế khó khăn. Việc vợ chồng chị N và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Yên xác minh làm rõ tại công văn số 31/ CV – UBND ngày 12/7/2017 về việc trả lời việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Tại phiên tòa anh H có ý kiến anh không muốn ly hôn với chị N nhưng vì chị N cương quyết xin ly hôn nên anh phải chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Song trong bản tự khai ngày 22/5/2017 và biên bản hòa giải ngày 17/7/2017 anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên anh nhất trí ly hôn với chị N. Thực tế chị N và anh H đã sống ly thân hơn 2 năm và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

2/ Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Lê Mạnh H có 1 con chung là Lê Tiến D sinh ngày 17 tháng 09 năm 2013, chị N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Chị N và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con. Chị N và anh H không có chứng cứ chứng minh về điều kiện, khả năng nuôi con của mỗi bên. Căn cứ công văn số 31/ CV – UBND ngày 12/7/2017 về việc trả lời việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình thì điều kiện kinh tế của chị N và anh H đều gặp khó khăn. Nhưng về môi trường sống và giáo dục cho chị thì chị N có khả năng dạy con tốt hơn.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu D, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu D cho chị N nuôi sẽ đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất về sức khỏe, tâm sinh lý của cháu. Do đó căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con khi ly hôn của nguyên đơn. Anh H có quyền đi lại thăm con theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị Hoàng Thị N yêu cầu anh Lê Mạnh H có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng đối với cháu D là 700.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 83, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng đối với con chung của chị N.

Chị Hoàng Thị N và anh Lê Mạnh H không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung (riêng) công nợ và đất nông nghiệp: Chị Hoàng Thị N và anh Lê Mạnh H không tài sản chung (riêng) công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và anh Lê Mạnh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên .

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 , Điều 82 , Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Lê Mạnh H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Tiến D sinh ngày 17 tháng 9 năm 2013 cho chị Hoàng Thị Ninh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Lê Mạnh H có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng đối với cháu D là 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng đối với con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/ 2013/ 0001622 ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình .

Anh Lê Mạnh H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y Khánh .
- Chi cục THA dân sự huyện Y.
- UBND xã Khánh N, huyện Y.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Phương